

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 154/2025/DS-PT

Ngày: 13-8-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 281/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung Đ, sinh năm: 1998; cư trú tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn H, xã N, tỉnh Lâm Đồng).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bảo L, sinh năm: 1998, bà Hoàng Thị Quỳnh T, sinh năm: 2001; cư trú tại thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Bảo L – Bị đơn.

(Ông Đ, ông L có mặt tại phiên tòa; bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Trung Đ trình bày: Do quen biết nên ngày 21/01/2023 ông có cho vợ chồng ông L, bà T vay hai lần với số tiền 150.000.000 đồng. Cụ thể vào tháng 01/2022 vay 70.000.000 đồng và vào tháng 02/2022 vay tiếp tục 80.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay nợ và ông L là người trực tiếp ký giấy vay và nhận tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2%/1 triệu đồng/1 tháng. Sau đó, ông L trả cho ông số tiền 1.400.000 đồng lãi suất phát sinh của khoản tiền vay 70.000.000 đồng, thời gian cụ thể ông không nhớ rõ do đã lâu. Khi vay ông L có hẹn đến cuối năm 2022 sẽ trả cho ông tổng số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh. Tuy nhiên, ông L đã không thực hiện đúng như thỏa thuận trước đó. Nên ngày 21/01/2023, sau nhiều lần đến gặp vợ chồng ông L, bà T để yêu cầu trả thì ông L, bà T có đồng ý xác nhận vào Giấy nhận tiền cùng ngày, với số tiền 150.000.000 đồng tiền gốc và 30.000.000 đồng tiền lãi suất phát sinh. Tổng cộng 180.000.000 đồng, theo nội dung giấy này thì hẹn sau 06 tháng tức ngày 21/6/2023 sẽ thanh toán cho ông đầy đủ gốc nhưng đến nay ông L, bà T vẫn chưa trả cho ông khoản tiền nào.

Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét yêu cầu vợ chồng ông L, bà T phải thanh toán cho ông số tiền gốc đã vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/01/2023 tạm tính đến hết 21/7/2024, với mức lãi suất 1,6%/tháng, cụ thể: $180.000.000 \text{ đồng} \times 1,6\% \times 18 \text{ tháng} = 51.840.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng vợ chồng ông L, bà T phải trả cho ông số tiền cả gốc và lãi là: 231.840.000 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) và lãi suất phát sinh tiếp theo từ ngày 22/7/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức 1,6%/tháng. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

- Theo trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Bảo L, bà Hoàng Thị Quỳnh T và tại phiên tòa thì: Việc vay tiền như ông Đ trình bày là không đúng. Trước đây ông không quen biết ông Đ, có một thời gian ông làm công cho ông H (anh trai của ông Đ) thì khi vợ ông bị bệnh phải đi bệnh viện ông có hỏi ông H để vay tiền thì được ông H giới thiệu ông Đ. Sau đó, ông có vay của ông Đ số tiền 10.000.000 đồng, đồng thời phải cầm cố chiếc xe máy cho ông Đ. Sau này số nợ 10.000.000 đồng này ông đã trả đầy đủ cho ông Đ. Ngoài ra, không có khoản vay nào khác. Ông Đ cho rằng ông vay 70.000.000 đồng vào tháng 01/2022 và 80.000.000 đồng vào tháng 02/2022 và đưa trực tiếp số tiền đó cho ông tại thôn Đ, xã P, huyện Đ là không đúng vì thời điểm đó ông đang chạy xe G tại thành phố Đ nên không có ở nhà. Việc ký giấy nợ số tiền 180.000.000 đồng là do bị ông Đ đe dọa, ép vợ chồng ông ký vào giấy nhận nợ. Thời gian ký giấy là vào khoảng hơn 10 giờ sáng ngày 21/01/2023 tại một quán tạp hóa ở xã Đ, thời điểm đó chỉ có chủ quán đang trông coi quán và không biết gì đến việc vợ chồng ông bà bị ép ký. Sau đó, ông L vội đi làm, bà T phải về trông

con nhỏ nên không trình báo cho chính quyền địa phương hay cơ quan có thẩm quyền ngay được ngay được vì thời gian đó là gần giáp Tết. Sau Tết thì ông bị bắt do vi phạm pháp luật, từ đó đến nay ông chưa báo chính quyền cũng như yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với ông Đ.

Ngoài ra, lý do ông bà ký vào Giấy nhận nợ là khi đó ông là người trực tiếp viết giấy nợ, chữ viết tay trong giấy nợ là của ông, còn trong cột số tiền chưa ghi số tiền cụ thể mà bảo ký để về ông tính toán và sẽ ghi vào giấy ông cho rằng liên quan đến số tiền vay 10.000.000 đồng trước đó, ông có cầm cổ xe Winner X. Tuy nhiên, đã trả xong số nợ này rồi. Do đó, qua yêu cầu khởi kiện của ông Đ ông bà không đồng ý trả cho ông Đ khoản tiền 231.840.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2024/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng) đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung Đ về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn ông Nguyễn bảo L, bà Hoàng Thị Quỳnh T. Buộc Nguyễn Bảo L, bà Hoàng Thị Quỳnh T trả cho ông Nguyễn Trung Đ số tiền là 224.920.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trung Đ đối với số tiền 6.920.000 đồng.

Ngày 23/9/2024, ông Nguyễn Bảo L kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị đơn ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn Đ không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của ông Nguyễn Bảo L; người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Bảo L thì thấy rằng: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền ngày 21/01/2023 (BL 24). Theo đó, vợ chồng ông L, bà T vay của ông Đ số tiền 180.000.000 đồng, mục đích mượn tiền để làm ăn, không thỏa thuận lãi suất, hạn ngày 21/6/2023 trả nợ, có lẫn tay, ký xác nhận của ông L, bà T. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận số tiền 180.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 21/01/2023 được chốt lại từ 150.000.000 đồng tiền nợ gốc đã cho bị đơn vay trước đó (lần 1: tháng 01/2022 cho vay 80.000.000 đồng; lần 2: tháng 02/2022 cho vay 70.000.000 đồng) và 30.000.000 đồng là tiền lãi phát sinh từ 2 khoản vay trên. Bị đơn đã trả được 1.400.000 đồng tiền lãi.

Ông L và bà T thừa nhận có việc lẫn tay, ký xác nhận nợ nhưng không thừa nhận có vay tiền ông Đ mà cho rằng ông Đ hù dọa, ép ký giấy vay tiền. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc mình bị ép ký, hù dọa. Ông L, bà T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phải chịu trách nhiệm dân sự về hành vi của mình. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bị đơn về việc không nợ nguyên đơn số tiền 180.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng cách tính lãi ra 30.000.000 đồng của nguyên đơn chưa bảo đảm nên đã tính lại lãi theo mức lãi suất 1,6%/tháng đối với từng khoản vay là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền ghi ngày 21/01/2023 số tiền 180.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất nên căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự xác định lãi suất của khoản vay bằng 50% lãi suất giới hạn mới đúng quy định. Do đó, thời điểm tính lãi là theo giấy mượn tiền ngày 21/01/2023, hạn trả nợ ngày 21/6/2023 nên tiền lãi được tính từ ngày 22/6/2023 (ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 10/9/2024. Cụ thể $180.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} 18 \text{ ngày} = 21.812.400 \text{ đồng} - 1.400.000 \text{ đồng (bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn)} = 20.412.400 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng là 200.412.400 đồng (180.000.000 đồng + 20.412.400 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trung Đ đối với số tiền 231.840.000 đồng - 200.412.400 đồng = 31.427.600 đồng (làm căn cứ tính án phí).

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Bảo L, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là $200.412.400 \text{ đồng} \times 5\% = 10.020.620 \text{ đồng}$.

Buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận là $(231.840.000\text{đ} - 200.412.400 \text{ đồng}) \times 5\% = 1.571.380 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bảo L, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trung Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn ông Nguyễn bảo L, bà Hoàng Thị Quỳnh T.

Buộc Nguyễn Bảo L, bà Hoàng Thị Quỳnh T trả cho ông Nguyễn Trung Đ số tiền 180.000.000 đồng tiền gốc và 20.412.400 đồng tiền lãi tổng cộng 200.412.400 đồng (Hai trăm triệu bốn trăm mười hai ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trung Đ đối với số tiền 31.427.600 đồng.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Trung Đ phải chịu 1.571.380 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 5.045.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005364 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng). Hoàn trả lại cho ông Đ số tiền 3.473.620 đồng án phí.

Buộc ông Nguyễn Bảo L, bà Hoàng Thị Quỳnh T phải chịu 10.020.620 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006345 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Lâm Đồng). Ông L, bà T còn phải nộp số tiền 9.720.620 đồng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng GD, KT, TT&THA (01);
- TAND khu vực 3 – Lâm Đồng (01);
- Phòng THADS khu vực 3 – Lâm Đồng (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt